

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS XUÂN SƠN

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG THCS XUÂN SƠN
Năm học 2022-2023

Xuân Sơn, ngày 08 tháng 9 năm 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Hạnh Kiểm	356	88	87	99	82
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	288 80,9%	81 92,05%	65 74,71%	78 78,79%	64 78,05%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54 12,57%	6 6,82%	16 18,39%	21 21,21%	11 13,41%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	14 4%	1 1,14%	6 6,9%	0	7 8,54
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	75 21,06%	17 19,32%	23 26,44%	21 21,21%	14 17,07%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	144 40,44%	43 48,86%	27 31,03%	39 39,39%	35 42,68%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	130 36,51%	28 31,82%	31 35,63%	38 38,38%	33 40,24%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	7 1,97%	0	6 6,9%	1 1,01	0

5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	349 98,03%		6 6,90	1 1,01	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	75 21,06%	17 19.32%	23 26.44%	21 21,21%	14 17.07%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	144 40,44%	43 48,86%	27 31,03%	39 39,39%	35 42,68%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	5 1.34%	3 3.4%	2 1.8%	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	7 1,97%	0	6 6,9%	1 1,01	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2/24 6,17				
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp thị xã	17	0	0	8	9
2	Cấp tỉnh				4	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	82 100%				82 100%

VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	82 100%				82 100%
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)					14 17,07%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					34 41,46%
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)					34 41,46%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	199/157	39/49	44/33	55/44	51/31
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	2		1	

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tuyết Mai